**Đề cương, Biểu mẫu dành cho các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố báo cáo**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2021*

*của UBND tỉnh Quảng Trị)*

***---------------------------------------------------***

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG,**

**CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2020**

Kính gửi: Tổ công tác đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng của tỉnh Quảng Trị năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 1006/KH-TTCP ngày 28/6/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2020; Quyết định số 399/QĐ-TTCP ngày 20/7/2021 của Thanh tra Chính phủ ban hành “Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2020”; Kế hoạch số ... /KH-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh về việc Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2020, ... báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại ... từ ngày 16/12/2019 đến ngày 15/12/2020, cụ thể như sau:

1. **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)**

***1. Đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN***

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng đơn vị trong việc triển khai xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN; kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện:

+ Việc ban hành chương trình, kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

+ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

+ Tổ chức tiếp công dân: Việc tiếp công dân của người đứng đầu theo quy định của Luật Tiếp công dân,

***2.******Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng***

*2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước*

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy đinh tại Điều 10 của Luật PCTN 2018: (1) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; (2) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; (3) Việc thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước, lĩnh vực đất đai, tài nguyên, lĩnh vực đầu tư, mua sắm công, lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch; (4) Công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

- Kết quả cải cách hành chính 2020.

- Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuấn, chế độ.

- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích: kết quả triển khai thực hiện rà soát xung đột lợi ích; Kết quả giải quyết xung đột lợi ích.

- Kết quả việc chuyển đối vị trí công tác của cán bộ, công chức.

- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập: kế hoạch tổ chức thực hiện; kết quả kê khai tài sản, thu nhậplần đầu; kết quả công khai tài sản, thu nhập.

- Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị 10) về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: kế hoạch triển khai năm 2020; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp; kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10.

*2.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước*

*-* Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tố chức khu vực ngoài Nhà nước.

***3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng***

***3.1****.* ***Việc phát hiện hành vi tham nhũng***

*3.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát*

- Việc ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát của đơn vị.

- Việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát: số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện; số cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện; số cuộc thanh tra phát hiện tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện.

*3.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo*

- Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong cơ quan, đơn vị.

- Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong cơ quan, đơn vị.

*3.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử*

- Số vụ án tham nhũng được khởi tố/ Tổng số vụ việc liên quan tham nhũng (tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố).

- Số vụ án quyết định truy tố tham nhũng/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố liên quan tham nhũng.

- Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng.

**3.2. Việc xử lý tham nhũng**

*3.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng*

*-* Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng: số tổ chức bị xử lý kỷ luật hành chính do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng: số người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.

*3.2.2.* *Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng*

- Kết quả xử lý qua điều tra: số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng.

- Kết quả xử lý qua truy tố: số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý quả xét xử: số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/Tổng số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng.

*3.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng*

- Hình thức khiển trách: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng.

- Hình thức cảnh cáo: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng.

- Hình thức cách chức: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

*3.2.4. Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng*

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua kiểm tra: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua thanh tra: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng).

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua hoạt động giám sát: số lượng tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát.

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.

**4.** **Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng**

**-** Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính.

- Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) bởi cơ quan thi hành án.

**II. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PCTN**

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2020 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2019; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đấy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới.

**III. MỤC DÀNH RIÊNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ GIÚP UBND TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN NGÀNH LĨNH VỰC (phân công tại Phần 2 - Mục III - Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 09/8/2020 của UBND tỉnh về Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2020)**

***Báo cáo có đính kèm 03 phụ lục bên dưới./.***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thanh tra tỉnh (phòng Phòng, chống tham nhũng);....- Lưu:... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên và đóng dấu)* |

## Sở/ngành/quận/huyện………………..

## DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN**  | **TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG***(Sở, ngành, quận, huyện ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)* | **Ghi chú** |
| **A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:**  |  |  |
| A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN. | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| **A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:**  |  |  |
| A.2.1Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN |  |  |
| *A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai* | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *A.2.1.2 Kết quả thực hiện*  | Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.2.2Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN |  |  |
| *A.2.2.1 Ban hành kế hoạch*  | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *A.2.2.2 Kết quả thực hiện*  | Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN. |  |  |
| *A.2.3.1 Ban hành kế hoạch* | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *A.2.3.2 Kết quả thực hiện* | Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN |  |  |
| *A.2.4.1 Ban hành kế hoạch*  | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành chỉ đạo hoặc KH triển khai thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *A.2.4.2 Kết quả thực hiện*  | Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện/Thủ trưởng các sở ban ngành | Liệt kê các Văn bản:- Thông báo/Kế hoạch tiếp công dân - Văn bản của Chủ tịch UBND huyện/Thủ trưởng các sở ban ngành giải quyết, xử lý các phản ánh sau khi tiếp dân.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| **B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG**  |  |  |
| **B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước** |  |  |
| B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018 | Liệt kê các Văn bản liên quan đến việc công khai các nội dung:(1) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; (2) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; (3) Việc thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước, lĩnh vực đất đai, tài nguyên, lĩnh vực đầu tư, mua sắm công, lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch; (4) Công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020) |  |  |
| B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn  |  |  |
| B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích  |  |  |
| *B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI* | Liệt kê các Văn bản liên quan đến việc rà soát XĐLI*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *B.1.4.2 Kết quả giải quyết XĐLI*  | Liệt kê các Văn bản liên quan đến việc giải quyết XĐLI*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức |  |  |
| B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)  | Liệt kê các văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành:- KH thực hiện KSTSTN- Báo cáo kết quả thực hiện*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện* |  |  |
| *B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN**lần đầu* |  |  |
| *B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN*  |  |  |
| B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP |  |  |
| *B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020* | Liệt kê văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp* | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện Chỉ thị 10 của tỉnh trong năm 2020 |  |
| *B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10* |  |  |
| **B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN** Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh. |  |  |
| B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN | Liệt kê văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN | Liệt kê văn bản do Sở/Ban/ngành/UBND huyện/thị/thành phố ban hành *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN | Liệt kê kết quả thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN | Liệt kê kết quả thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN | Liệt kê kết quả thực hiện *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| **C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG**  |  |  |
| **C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng** |  |  |
| C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát. | - Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/Tổng số cuộc kiểm tra đã tiến hành.- Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/Tổng số cuộc thanh tra đã tiến hành.- Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/Tổng số cuộc giám sát đã tiến hành.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo | - Liệt kê cụ thể các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.- Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.- Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2020.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| **C.2 Việc xử lý tham nhũng** |  |  |
| C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân |  |  |
| *C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức* | Liệt kê các tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN/Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân*  | Liệt kê danh sách người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính/Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện.*(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng |  |  |
| *C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra* | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra trong năm 2020 *(viện dẫn cụ thể các văn bản, quyết định xử lý và gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố* | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan truy tố trong năm 2020 *(viện dẫn cụ thể các văn bản, quyết định xử lý và gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử* | Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan xét xử trong năm 2020 *(viện dẫn cụ thể các văn bản, quyết định xử lý và gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng. | - Liệt kê số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. *(gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng)* |  |
| *C.2.3.1 Hình thức khiển trách* *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)* |  |  |
| *C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo**Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm )* |  |  |
| *C.2.3.3 Hình thức cách chức**Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 05 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* |  |  |
| **C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng** |  |  |
| **D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG** |  |  |
| D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp hành chính theo từng vụ việc/Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính |  |
| D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp | - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp tư pháp theo từng vụ việc/Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp tư pháp. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**............................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC ...**

**DANH SÁCH CÁC CUỘC THANH TRA TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Các cuộc thanh tra đã thực hiện trong năm 2020** | **Ghi chú** |
| **STT** | **Quyết định (số hiệu, ngày ban hành, cấp ban hành quyết định, nội dung)** | **Đơn vị được thanh tra** | **Kết luận (số hiệu, ngày ban hành)** | **Tổng hợp sai phạm phát hiện, các kiến nghị xử lý** | **Kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý trong năm 2020 (xử lý kỷ luật, thu hồi tiền/đất, ...)** | **Số văn bản đề nghị chuyển cơ quan điều tra (nếu có) khi nhận thấy dấu hiệu tham nhũng/ hành vi tham nhũng** |
| **Kế hoạch thanh tra được phê duyệt đầu năm (ghi rõ số cuộc, nội dung các cuộc được phê duyệt** | **I** | **Các cuộc theo kế hoạch** | ***Đề nghị đơn vị gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng*** |
|  |  |  |  |   |  |   |
|  |  |  |  |   |  |   |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |   |  |   |
| **Cung cấp các văn bản chỉ đạo thực hiện các cuộc đột xuất** | **II** |  **Các cuộc đột xuất** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**............................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC ...**

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ HÀNH VI THAM NHŨNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vụ án tham nhũng** | **Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện**  | **Hình thức phát hiện hành vi tham nhũng** | **Xử lý hành vi tham nhũng** | **Thiệt hại do tham nhũng** | **Tài sản do tham nhũng đã được thu hồi** | **Ghi chú** |
| **Tự kiểm tra nội bộ** | **Thanh tra, kiểm tra** | **Giải quyết tố cáo tham nhũng** | **Điều tra** | **Tự kiểm tra nội bộ** | **Thanh tra, kiểm tra** | **Giải quyết tố cáo tham nhũng** | **Điều tra** | **Tiền** | **Đất đai** | **Tiền** | **Đất đai** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | ***Đề nghị đơn vị gửi kèm file PDF hoặc dẫn đường link làm tài liệu minh chứng*** |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  ... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |